

SỰ VIỆT HÓA ÂM CUỐI CỦA TỪ TIẾNG ANH TRÊN BÁO ĐIỆN TỬ NHÂN DÂN

HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG*

TÓM TẮT

Bài viết trình bày các phương thức Việt hóa âm cuối của các từ tiếng Anh xuất hiện trên báo điện tử Nhân dân trong thời gian gần đây. Các quá trình Việt hóa chủ yếu xử lý các tổ hợp phụ âm và các thành phần âm cuối “bất hợp pháp” với hệ thống ngữ âm tiếng Việt, nhằm đảm bảo cấu trúc âm tiết chuẩn của ngôn ngữ vay mượn và đảm bảo tính trung thành đối với ngữ âm ngôn ngữ được vay mượn.

Từ khóa: ngữ âm, từ vay mượn, Việt hóa.

ABSTRACT

*The Vietnamese nativisation of English words' codas
in electronic Nhan Dan Newspaper*

This article demonstrates the Vietnamese nativisation processes imposed on codas of English words recently. The nativisation processes mainly analyses consonant clusters and exotic codas in order to ensure the standard native syllable structure of the local language as well as the loyalty to the phonetics of the nativised language.

Keywords: phonetics, borrowing, Vietnamese nativisation.

1. Dẫn nhập

Hiện nay trên các trang mạng và báo chí điện tử xuất hiện ngày càng nhiều các từ tiếng Anh. Do quá trình hội nhập quốc tế cũng như toàn cầu hóa mà từ tiếng Anh có môi trường thuận lợi để thâm nhập ngày càng sâu vào đời sống văn hóa xã hội của người Việt. Trước thực tế đó, nhu cầu Việt hóa từ tiếng Anh để tạo sự gần gũi với bạn đọc Việt ngày càng cấp thiết. Tuy nhiên xu hướng chung trong việc xử lý từ tiếng Anh trên các trang mạng và báo điện tử là giữ nguyên hình thức phiên âm tiếng Anh. Điều này đã gây ra một hiện tượng là không thống nhất về cách đọc từ tiếng Anh, tức là mỗi người có một cách đọc khác nhau làm cho sự diễn đạt trở nên

khó hiểu, thiếu chính xác và sự giao tiếp bị hạn chế. Trong tình hình đó, báo điện tử Nhân dân như là một người tiên phong đã chọn cách Việt hóa từ tiếng Anh theo ngữ âm tiếng Việt. Với ba ấn bản Nhân dân điện tử, Nhân dân cuối tuần và Nhân dân hàng tháng, báo điện tử Nhân dân thể hiện sự nhất quán trong việc phiên âm từ tiếng Anh theo cách đọc tiếng Việt. Sự lựa chọn này thể hiện ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt do Đảng và Nhà nước đề ra của báo điện tử Nhân dân với tư cách là cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Bài báo này sẽ trình bày những đặc trưng chung của sự Việt hóa ngữ âm của từ tiếng Anh trên báo điện tử Nhân dân với trọng tâm nghiên cứu là **âm cuối (codas)**

* ThS, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

của các từ tiếng Anh xuất hiện trên báo điện tử *Nhân dân* trong giai đoạn từ tháng 7-2012 đến tháng 3-2013.

Một số đặc điểm của từ tiếng Anh xuất hiện trên báo điện tử *Nhân dân* được rút gọn như sau: Thứ nhất, trong tổng số 419 từ tiếng Anh được Việt hóa về mặt ngữ âm thì chỉ có 10 từ là các danh từ chung (common noun) bao gồm *logo, dollar, game, gelatin, white, noel, watt, opera, rocket, video*. 409 từ còn lại là danh từ riêng (proper noun) bao gồm tên riêng của người, tên của các quốc gia và các khu vực địa lí, thí dụ là *Obama, Australia, Stockholm, Syria...* Thứ hai, các từ tiếng Anh này chủ yếu xuất hiện trong những mục liên quan đến tin tức thể giới, sự kiện quốc tế và thể thao. Thứ ba, âm tiết của những từ tiếng Anh này không bị cắt giảm (**truncation**) mà được giữ nguyên đến mức tối đa, chẳng hạn: *Vancouver* [vən'ku:və] → *Van-cu-vơ* [van ku vơ], *Valencia* [və'lensiə] → *Valen-xi-a* [va len si a]. Một lưu ý là trong những ví dụ phân tích về sau, những danh từ riêng tiếng Anh (**proper noun**) sẽ được viết thường chữ cái đầu như là những đơn vị danh từ chung thông thường (**common noun**).

2. Cơ sở lí luận

Những phân tích và mô tả đặc điểm của sự Việt hóa ngữ âm từ tiếng Anh trong bài báo này được xây dựng dựa trên lí thuyết phân tích ngữ âm của từ vay mượn do Silverman đề xuất, đó là giả thuyết về **Cấp độ Nhận thức và Cấp độ Hiện thực (Perceptual and Operative Levels)** [9]. Silverman giả thuyết là ngữ âm của từ vay mượn sở hữu hai cấp độ

đặc trưng khu biệt. Cấp độ thứ nhất thể hiện sự nhận thức của người bản xứ đối với những tín hiệu ngữ âm hiện diện trong một đơn vị từ tiếng Anh. Ở **Cấp độ Nhận thức (Perceptual Level)**, những tín hiệu ngữ âm đó được thay thế bởi những tín hiệu ngữ âm bản địa có đặc điểm cấu âm, âm học tương ứng hoặc gần giống nhất. Quá trình này được chi phối chặt chẽ bởi hệ thống ngữ âm của ngôn ngữ bản địa. Ví dụ như từ *game* trong tiếng Anh khi được vay mượn bởi tiếng Quảng Đông (Trung Quốc), ở Cấp độ Nhận thức sẽ có hình thức ngữ âm là [kəm], hay từ *stick* sẽ được nhận thức là [stik]. Silverman còn nhấn mạnh rằng ở Cấp độ Nhận thức những tín hiệu ngữ âm mà cụ thể là âm vị bản địa khi đã thay thế các tín hiệu ngữ âm ngoại lai thì sẽ có hình thức ngữ âm giống nhau ở mọi vị trí trong chuỗi âm thanh; đây được gọi là giả thuyết về **Sự đồng dạng ở Cấp độ Nhận thức (Perceptual Uniformity Hypothesis)**. Thí dụ là tín hiệu ngữ âm [s] trong từ *sticks* được nhận thức là [s] trong ngôn ngữ bản địa, sẽ vẫn là [s] cho dù nó xuất hiện ở đầu hay cuối hay giữa của chuỗi âm thanh ở Cấp độ Nhận thức: [stiks]. Cấp độ thứ hai là **Cấp độ Hiện thực (Operative Level)**. Ở cấp độ này, những quy tắc ngữ âm của ngôn ngữ vay mượn (ngôn ngữ bản địa) tác động lên sản phẩm của Cấp độ Nhận thức để đảm bảo hình thức ngữ âm cuối cùng sẽ tuân thủ nghiêm ngặt cấu trúc âm tiết và vần điệu của ngôn ngữ đó. Nói cách khác, Cấp độ Hiện thực của ngôn ngữ vay mượn thừa nhận những khả năng thay đổi hay kết hợp của các yếu tố âm thanh (âm

vị) chịu sự chi phối khắt khe của các quá trình ngữ âm và vần điệu của ngôn ngữ bản địa. Thí dụ của Silverman đưa ra về

từ vay mượn tiếng Anh trong tiếng Quảng Đông như sau:

Đơn vị nguồn (Input)	shaft	lift
Cấp độ Nhận thức (Perceptual Level)	[sɛf]	[lif]
Cấp độ Hiện thực (Operative Level)	[sɛp]	[lip]
Đơn vị hiện thực (Surface)	[sɛp]	[lip]

Ở Cấp độ Nhận thức, hình thức ngữ âm được thể hiện là âm tương ứng âm như trên. Vì hệ thống âm vị tiếng Quảng Đông thiếu tiêu chí khu biệt răng-ngạc cứng giữa các âm xát nên âm [ʃ] của tiếng Anh được nhận thức là âm [s] trong tiếng Quảng Đông. Ở Cấp độ Hiện thực, những quy tắc nghiêm ngặt về cấu trúc âm tiết của tiếng Quảng Đông sẽ kích hoạt những quá trình ngữ âm tương thích với đơn vị nguồn sau khi đã trải qua Cấp độ Nhận thức: Âm [f] bị tắc hóa thành âm [p] bởi vì các âm xát không có khả năng làm phụ âm cuối trong tiếng Quảng Đông. Tổ hợp phụ âm xát vang – tắc như [ft] khi làm phụ âm cuối thì bị đơn giản hóa bằng cách âm [t] bị lược bỏ đi. Silverman cho rằng sự giản lược các tổ

hợp phụ âm diễn ra ngay ở Cấp độ Nhận thức [1]. Tuy dựa trên lý thuyết phân tích ngữ âm từ vay mượn của Silverman nhưng quan điểm của bài viết này cho rằng ở Cấp độ Nhận thức chỉ diễn ra sự chọn lựa các tín hiệu ngữ âm tương ứng và các âm tương ứng đó là nhất quán ở mọi vị trí; và các quá trình ngữ âm được quy định bởi các quy tắc cấu tạo âm tiết của ngôn ngữ vay mượn chủ yếu tác động lên đơn vị nguồn ở Cấp độ Hiện thực.

3. Phụ âm Anh-Việt tương ứng

Phân tích 419 đơn vị từ tiếng Anh được Việt hóa về mặt ngữ âm trên báo điện tử *Nhân dân* cho ta danh sách những phụ âm tương ứng ở Cấp độ Nhận thức như sau:

Bảng 1. Các âm vị phụ âm Anh – Việt tương ứng

Phụ âm tiếng Anh	Phụ âm tương ứng trong tiếng Việt	Phụ âm tiếng Anh	Phụ âm tương ứng trong tiếng Việt
/b/	/b/	/ŋ/	/ŋ/
/d/	/d/	/p/	/p/
/f/	/f/	/ɹ/	/z/
/g/	/g/	/s/	/s/
/h/	/h/	/ʃ/	/ʃ/
/j/	/j/	/t/	/t/
/k/	/k/	/v/	/v/
/l/	/l/	/w/	/w/
/m/	/m/	{z, ð, ʒ}	/z/
/n/	/n/	/θ/	/t ^h /

Riêng đối với hai phụ âm tắc xát [tʃ] và [dʒ] tùy vào vị trí trong âm tiết mà nó được xử lí khác nhau. Tuy nhiên khảo sát 419 đơn vị từ tiếng Anh xuất hiện trên báo điện tử *Nhân dân* cho thấy không có sự xuất hiện của của âm tắc xát vô thanh [tʃ] ở vị trí âm cuối, còn phụ âm tắc xát hữu thanh [dʒ] sẽ được Việt hóa như là một tổ hợp phụ âm cuối bình thường (**coda cluster**). Đồng thời, nguyên âm [ɪ]

tồn tại trong các nguyên âm đôi {ɔɪ, aɪ, eɪ} được nhận thức là bán nguyên âm [j], và [ʊ] trong {oʊ, əʊ, aʊ} được nhận thức là [w]. Đối với nguyên âm đôi [eɪ], ở Cấp độ Nhận thức nó được tiếp nhận như là vần [ɛj].

Chú ý là đối với hệ thống ngữ âm tiếng Việt chỉ có những phụ âm được liệt kê sau đây là có thể đảm nhiệm vị trí âm cuối [3]:

Bảng 2. Các phụ âm cuối trong tiếng Việt

/p/ _____ ‘p’	/m/ _____ ‘m’	/ɲ/ _____ ‘nh’
/t/ _____ ‘t’	/n/ _____ ‘n’	/w/ _____ ‘u, o’
/k/ _____ ‘c, ch’	/ŋ/ _____ ‘ng’	/j/ _____ ‘i, y’

Thêm một điều cần chú ý nữa là những âm tiết kết thúc với {p, t, k} sẽ được phân bổ thanh sắc ở Cấp độ Hiện thực.

4. Các phương thức Việt hóa

Sự Việt hóa âm cuối của từ tiếng Anh chính là sự tác động của các quy tắc cấu tạo âm tiết tiếng Việt lên tín hiệu ngữ âm ngoại lai khi nó xuất hiện ở vị trí âm cuối. Những quá trình ngữ âm tác động lên **âm cuối (coda)** của **đơn vị nguồn hiện thực (Operative Level input)** sẽ diễn ra ở **Cấp độ Hiện thực (Operative Level)**. Những quá trình ngữ âm này cũng chính là đặc điểm của sự Việt hóa âm cuối các từ tiếng Anh xuất hiện trên báo điện tử *Nhân dân*.

4.1. Chèn nguyên âm

Chèn nguyên âm (vowel epenthesis) là một phương thức phổ biến dùng để xử lí các yếu tố ngoại lai trong nhiều ngôn ngữ. Chèn nguyên âm là phương thức lấy một nguyên âm gắn sau một phụ âm để tạo thành một âm tiết mới

[5]. Một số ngôn ngữ như tiếng Quan thoại, Quảng Đông, Hàn Quốc và Nhật Bản tận dụng phương thức này để bảo tồn tín hiệu ngữ âm nổi trội, thí dụ như tổ hợp phụ âm cuối [8], [6], [9], [10]. Đối với tiếng Việt, việc chèn thêm nguyên âm là một giải pháp cho quá trình Việt hóa âm cuối ngoại lai và tổ hợp phụ âm cuối.

4.1.1. Chèn nguyên âm với âm cuối đơn

Đối với phụ âm cuối ngoại lai như [s] trong *bruce*, [k] trong *duke*, [z] trong *uzbekistan* và [v] trong *zukai*, nó sẽ được chèn thêm nguyên âm ơ [ɤ] để tạo nên âm tiết mới. Khác với tiếng Quảng Đông chỉ chèn nguyên âm sau **phụ âm xát (fricative)** và **tắc xát (affricate)** [9], ngữ âm từ vay mượn tiếng Việt cho phép quá trình chèn nguyên âm áp dụng lên mọi phụ âm cuối ngoại lai. Như vậy, nguyên tắc chung cho việc chèn nguyên âm sau phụ âm cuối là âm cuối đó phải là một phụ âm đơn ngoại lai, tồn tại “bất hợp pháp” ở vị trí âm cuối. Công thức hóa của phương thức chèn nguyên âm sau

phụ âm cuối ngoại lai sẽ như sau: $\emptyset \rightarrow \text{ɾ} / C_] \sigma$.

Nguyên âm [ɾ] được chọn bởi vì trong hệ thống âm vị nguyên âm tiếng Việt chỉ mỗi nó sở hữu những đặc trưng âm học và thuộc tính ngữ âm tương ứng với nguyên âm [ə] tồn tại trong cách đọc những âm tiết không được nhấn mạnh và những tổ hợp phụ âm. Phương thức chèn nguyên âm cũng rất phổ biến đối với các ngôn ngữ châu Á khác trong việc xử lý tổ hợp phụ âm tiếng Anh. Ngoại trừ tiếng Quan thoại cũng chọn [ɾ] làm nguyên âm chèn [8] thì nguyên âm chèn ở tiếng

Quảng Đông là [i] [9], [10], ở tiếng Hàn Quốc là [ɨ] [6], và ở tiếng Nhật là [u] [7]. Việc chọn nguyên âm chèn như thế nào là tùy thuộc vào hệ thống ngữ âm riêng biệt của từng ngôn ngữ cụ thể. Theo Yip [10], phương thức chèn nguyên âm vào tổ hợp phụ âm là cách thức bảo toàn các tính hiệu ngữ âm hiện hữu mà có khả năng âm tiết hóa được. Nói cách khác, phương thức này đảm bảo tiêu chí **Trung thành (Faithfulness)** với ngữ âm ngôn ngữ được vay mượn của ngữ âm từ vay mượn. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	<u>bruce</u>	<u>duke</u>	<u>uzbekistan</u>	<u>zuka</u>
Cấp độ Nhận thức	[b ʒus]	[du:k]	[uz be ki s tan]	[zu ka v]
Cấp độ Hiện thực				
<i>Chèn nguyên âm</i>	[bɾ ʒu sɾ]	[du kɾ]	[u zɾ be ki sɾ tan]	[zu ka vɾ]
Đơn vị hiện thực	[bɾ ʒu sɾ]	[dy kɾ]	[u zɾ be ki sɾ tan]	[zu ka vɾ]
Cách đọc tiếng Việt	bờ-ru-xơ	du-kơ	u-dơ-bê-ki-sờ-tan	giu-ka-vơ

4.1.2. Chèn nguyên âm với tổ hợp phụ âm cuối

Đối với tổ hợp phụ âm cuối, quá trình chèn nguyên âm xảy ra như sau: Với tổ hợp hai phụ âm cuối (C₁C₂) thì nguyên âm σ [ɾ] được thêm vào sau phụ âm thứ hai (C₂) để tạo thành âm tiết mới. Thí dụ như sau:

Đơn vị nguồn	<u>white</u>	<u>Iceland</u>	<u>boyle</u>
Cấp độ Nhận thức	[waj t]	[aj s lɛnd]	[boj l]
Cấp độ Hiện thực			
<i>Chèn nguyên âm</i>	[waj tɾ]	[aj sɾ lɛn]	[boj lɾ]
Đơn vị hiện thực	[waj tɾ]	[aj sɾ lɛn]	[boj lɾ]
Cách đọc tiếng Việt	oai-tơ	ai-xơ-len	boi-lơ

Nhưng đối với tổ hợp phụ âm cuối gồm ba phụ âm trở lên thì nó sẽ trải qua hai quá trình: quá trình thứ nhất là lược giản đi phụ âm mà có độ vang (**sonority**) thấp hơn hai phụ âm kia [7]; hay nói cách khác là hai yếu tố ngữ âm nổi trội nhất sẽ được giữ lại trong khi những yếu tố còn lại sẽ bị lược bỏ [10]. Bảng đo độ vang được Clements đề xuất, sau đó Yavas và Gogate khái quát như sau [7]:

Nguyên âm > Bán nguyên âm > Âm nước > Âm mũi > Âm xát > Âm tắc xát > Âm tắc

(Vowels > Glides > Liquids > Nasals > Fricatives > Affricates > Stops)

7 6 5 4 3 2 1

Độ vang cao <-----> Độ vang thấp

Quá trình thứ hai là chèn nguyên âm sau phụ âm thứ hai của tổ hợp hai phụ âm còn lại để tạo thành âm tiết mới; quá trình này đảm bảo cấu trúc âm tiết chuẩn của ngữ âm từ vay mượn. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	<u>miles</u>	<u>ounce</u>
Cấp độ Nhận thức	[maj l z]	[aw n s]
Cấp độ Hiện thực		
<i>Lược giản tổ hợp phụ âm</i>	[maj l]	[aw s]
<i>Chèn nguyên âm</i>	[maj lʃ]	[aw sʃ]
Đơn vị hiện thực	[maj lʃ]	[aw sʃ]
Cách đọc tiếng Việt	mai-lơ	ao-xơ

4.2. Lược giản

Lược giản (deletion) cũng là một phương thức rất phổ biến để xử lí phụ âm cuối ngoại lai (**exotic simplex coda**) và tổ hợp phụ âm cuối (**complex coda**). Sự lược giản có thể diễn ra trên toàn bộ hay một phần của âm cuối, điều này phụ thuộc vào sự lựa chọn của từng ngôn ngữ và từng cá nhân sử dụng ngôn ngữ đó. Ngay ở báo điện tử *Nhân dân*, vẫn chưa có sự thống nhất về việc lược giản toàn bộ hay một phần tổ hợp phụ âm cuối hoặc phụ âm cuối ngoại lai. Tuy nhiên xu hướng chung là cố gắng bảo tồn tối đa các yếu tố ngữ âm ngoại lai bằng cách lược giản một phần tổ hợp phụ âm và giữ lại phụ âm thứ nhất để đảm bảo tính cân đối của âm tiết.

4.2.1. Lược giản toàn phần

Lược giản toàn bộ âm cuối (coda deletion) là bỏ đi toàn bộ tổ hợp phụ âm cuối hoặc bỏ đi phụ âm cuối và chỉ giữ lại các thành phần là âm đầu, (âm đệm) và âm chính. Điểm đáng chú ý là thành phần âm cuối bị lược bỏ toàn bộ trong 419 đơn vị từ có được đều là những phụ âm ngoại lai không được phép xuất hiện ở vị trí âm cuối trong ngữ âm tiếng Việt. Như vậy đối với phụ âm cuối hoặc tổ hợp phụ âm cuối ngoại lai (tức là tồn tại “bất hợp pháp” ở vị trí âm cuối), có khả năng lớn là quá trình lược giản toàn phần sẽ diễn ra để đảm bảo đơn vị hiện thực sẽ không vi phạm các quy tắc ngữ âm của tiếng Việt. Nó được công thức hóa là *C_n → Ø / ___]σ. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	<u>capiz</u>	<u>bernard</u>	<u>tygart</u>	<u>phelps</u>	<u>grevers</u>
Cấp độ Nhận thức	[ka piz]	[beɹ nazd]	[taj ɣazt]	[felps]	[ɣɹ zɛ vɹzɹs]
Cấp độ Hiện thực					
<i>Lược bỏ toàn phần</i>	[ka pi]	[bék na]	[taj ɣa]	[fe]	[ɣɹ zɛ vɹ]
Đơn vị hiện thực	[ka pi]	[bék na]	[taj ɣa]	[fe]	[ɣɹ zɛ vɹ]
Cách đọc tiếng Việt	ca-pi	béc-na	tai-ga	phê	gờ-re-vơ

4.2.2. *Lược giản cục bộ*

Lược giản một phần tổ hợp phụ âm cuối (complex coda reduction) là quá trình giữ lại phụ âm thứ nhất trong tổ hợp phụ âm cuối và lược bỏ đi những phụ âm còn lại để đảm bảo tính cân đối của âm tiết tiếng Việt. Quá trình được công thức hóa là $C_1C_n \rightarrow C_1 / _$ σ . Phương thức này nhằm đảm bảo duy trì yếu tố

ngữ âm nổi trội nhất và đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt cấu trúc âm tiết chuẩn của đơn vị từ được Việt hóa. Cần chú ý là những đơn vị từ tiếng Anh-Anh sẽ không phát âm âm [ɹ] sau nguyên âm, nhưng những từ tiếng Anh-Mĩ thì có; do vậy đơn vị từ Anh-Anh cho dù có hiện thị chữ viết r cũng không có sự hiện hữu của âm [ɹ] trong thực tế phát âm. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	alex	burns	ireland	phelps
Cấp độ Nhận thức	[a lɛks]	[bɜːnz]	[aj lɛnd]	[fɛlps]
Cấp độ Hiện thực				
<i>Lược giản cục bộ</i>	[a lɛk]	[bɜːn]	[aj lɛn]	[fɛl]
Đơn vị hiện thực	[a lɛk]	[bɜːn]	[aj lɛn]	[fɛn]
Cách đọc tiếng Việt	a-lếch	bơn	ai-len	phen

4.3. **Tắc hóa**

Ngoài chèn nguyên âm và lược giản, **tắc hóa (occlusivisation)** cũng là một phương thức xử lí từ được vay mượn hoặc bản địa hóa phổ biến của các ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt. Tắc hóa là quá trình thay thế các **phụ âm sát (fricatives)** hoặc **tắc sát (affricates)** bằng **phụ âm tắc (stops)** [1]. Trong tiếng Việt, những phụ âm tắc được phép đảm nhiệm vị trí âm cuối là {p, t, k}; tùy vào vị trí cấu âm của phụ âm cuối ngoại lai

mà nó được tắc hóa thành [p] hay [t] hay [k]. Sau khi quá trình tắc hóa diễn ra thì những âm tiết kết thúc với {p, t, k} sẽ được phân bổ thêm thanh sắc do sự chi phối của quy tắc ngữ âm tiếng Việt.

4.3.1. *Tắc hóa thành [p]*

Tắc hóa thành [p] diễn ra với những phụ âm cuối [f] và [b], tức là [p] và [b] xuất hiện ở vị trí âm cuối sẽ trở thành [p]. Xét về vị trí cấu âm, cả ba phụ âm này đều có liên quan đến môi. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	afghanistan	bob	joseph
Cấp độ Nhận thức	[af ʔa ni s tan]	[bob]	[jo ʃɛf]
Cấp độ Hiện thực			
<i>Tắc hóa thành [p]</i>	[ap ʔa ni sɔ tan]	[bop]	[jo ʃɛp]
<i>Thêm thanh sắc</i>	[áp ʔa ni sɔ tan]	[bóp]	[jo ʃép]
Đơn vị hiện thực	[áp ʔa ni sɔ tan]	[bóp]	[jo ʃép]
Cách đọc tiếng Việt	áp-ga-ni-sờ-tan	bóp	giô-sép

4.3.2. Tắc hóa thành [t]

Tắc hóa thành [t] là quá trình thay thế các phụ âm cuối {t^h, s, z, ʃ, d} bởi [t] để đảm bảo tính hợp pháp của phụ âm cuối. Những phụ âm này đều có vị trí cấu âm liên quan đến răng và ổ răng (lợi), nói cách khác là liên quan đến **khớp xương răng (coronal)**. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	smith	bradford	boris
Cấp độ Nhận thức	[s mit ^h]	[b zəd fɔd]	[bo zɪs]
Cấp độ Hiện thực			
<i>Tắc hóa thành [t]</i>	[s ^h mit]	[b ^h zət fɔt]	[bo zɪt]
<i>Thêm thanh sắc</i>	[s ^h mít]	[b ^h zát fót]	[bo zít]
Đơn vị hiện thực	[s ^h mít]	[b ^h zát fót]	[bo zít]
Cách đọc tiếng Việt	sờ-mít	bờ-rát-phót	bô-rít

4.3.3. Tắc hóa thành [k]

Tắc hóa thành [k] diễn ra khi phụ âm cuối của **đơn vị nhận thức (Perceptual output)** là âm [z]: [z] sẽ được thay thế bởi [k] ở Cấp độ Hiện thực, sau đó âm tiết kết thúc với [k] sẽ được phân bổ thêm thanh sắc. Đối với đơn vị nguồn, đây là âm [ɹ] theo sau nguyên âm (**rhotic r**); cách đọc này chỉ tồn tại trong tiếng Anh của người Mỹ, do vậy tất cả

những đơn vị từ trải qua quá trình tắc hóa này đều có nguồn gốc từ tiếng Anh-Mĩ. Lưu ý là chỉ những [z] theo sau nguyên âm và đứng trước một phụ âm khác mới trải qua quá trình tắc hóa thành [k]: z → k / V__C. Những [z] theo sau nguyên âm nhưng không đứng trước một phụ âm nào cả hay nói cách khác là những [z] kết thúc đơn vị từ sẽ bị lược bỏ đi: z → Ø / V__]w. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	martin	berlin	carter
Cấp độ Nhận thức	[maz tɪn]	[beɹ lɪn]	[kɑɹ tɛɹ]
Cấp độ Hiện thực			
<i>Tắc hóa thành [k]</i>	[mak tɪn]	[beɹ lɪn]	[kɑk tɛɹ]
<i>Thêm thanh sắc</i>	[mák tɪn]	[béɹ lɪn]	[kák tɛɹ]
<i>Lược bỏ [z]</i>	—	—	[kák tɛ]
Đơn vị hiện thực	[mák tɪn]	[béɹ lɪn]	[kák tɛ]
Cách đọc tiếng Việt	mác-tin	béc-lin	các-tơ

4.4. Mũi hóa

Kết quả khảo sát ngôn ngữ từ vay mượn trên 419 đơn vị từ trên báo điện tử *Nhân dân* còn cho thấy có sự sử dụng phương thức **mũi hóa (nasalisation)**: mũi hóa thành [n] (nasalisation with [n]) là quá trình chuyển âm [l] thành [n] khi

[l] đảm nhiệm vị trí kết thúc âm tiết, tức là vị trí âm cuối: l → n / __]σ. Lí do thay thế [l] bằng [n] có thể như sau: thứ nhất, [l] không thể đảm nhiệm vị trí âm cuối của âm tiết tiếng Việt nhưng [n] thì hoàn toàn có thể; thứ hai [l] và [n] giống nhau ở tính thanh và vị trí cấu âm, chúng đều

là phụ âm ô răng hữu thanh (voiced alveolar); và thứ ba, âm mũi (nasal) [n] có độ vang (sonority) gần tương ứng nhất với âm nước (liquid) [l]. Có vẻ như

Đơn vị nguồn	annabe <u>l</u>	chelse <u>a</u>	hamil <u>t</u> on	si <u>l</u> ver
Cấp độ Nhận thức	[a na be <u>l</u>]	[ce <u>l</u> si]	[ha mi <u>l</u> tɔn]	[sil vɔ]
Cấp độ Hiện thực				
<i>Mũi hóa thành [n]</i>	[a na be <u>n</u>]	[ce <u>n</u> si]	[ha mi <u>n</u> tɔn]	[sin vɔ]
Đơn vị hiện thực	[a na be <u>n</u>]	[ce <u>n</u> si]	[ha mi <u>n</u> tɔn]	[sin vɔ]
Cách đọc tiếng Việt	a-na-ben	chen-xi	ha-min-ton	sin-vɔ

phương thức mũi hóa thành [n] này là quá trình giảm bớt độ vang trong khi vị trí cấu âm và tính thanh vẫn được bảo lưu. Ví dụ:

Bên cạnh đó, phương thức mũi hóa thành [n] còn áp dụng đối với phụ âm cuối mũi [ŋ] khi nó đi sau hai nguyên âm dòng trước [i] và [e]. Mặc dù [ŋ] có thể đảm nhiệm vị trí âm cuối trong tiếng Việt, tuy nhiên nó bị giới hạn trong việc kết hợp với các nguyên âm, cụ thể là [ŋ] không thể kết hợp với [i] và [e] nhưng có thể với [ɛ] [1], [3]. Như vậy, hiện tượng

mũi hóa này diễn ra có thể là do sự ảnh hưởng của hai nguyên âm dòng trước [i] và [e] làm thay đổi vị trí cấu âm của phụ âm cuối mũi từ âm mũi ngạc mềm (velar nasal) [ŋ] hướng ra phía trước thành âm mũi ổ răng (alveolar nasal) [n]. Quá trình này có thể được gọi là hiện tượng **trước hóa (fronting)**. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	jen <u>ŋ</u> kins	Lincoln	rowl <u>ŋ</u>
Cấp độ Nhận thức	[dzeŋ kinz]	[liŋ kon]	[zɔw liŋ]
Cấp độ Hiện thực			
<i>Trước hóa</i>	[dzen kinz]	[lin kon]	[zɔw lin]
Đơn vị hiện thực	[zen kin]	[lin kon]	[zɔw lin]
Cách đọc tiếng Việt	giên-kin	lin-côn	râu-lin

Tuy nhiên, một số đơn vị từ lại cho thấy một quá trình mũi hóa khác khi [ŋ] kết hợp với [i], đó là quá trình thay thế [ŋ] bởi [ɲ]. Ngữ âm tiếng Việt không chấp nhận kết hợp vần [iŋ], cho nên kết hợp này sẽ chuyển thành [in] hoặc [iɲ]. Sự lựa chọn phụ âm thay thế sẽ tùy thuộc vào từng dịch giả cụ thể. Ví dụ:

Đơn vị nguồn	dop <u>ŋ</u>	hawk <u>ŋ</u>	kiss <u>ŋ</u>
Cấp độ Nhận thức	[dow piŋ]	[hɔw kiŋ]	[ki siŋ dzɔ]
Cấp độ Hiện thực			
<i>Mũi hóa thành [ɲ]</i>	[dow piɲ]	[hɔw kiɲ]	[ki siɲ dzɔ]
Đơn vị hiện thực	[do piɲ]	[hɔw kiɲ]	[kít siɲ zɔ]
Cách đọc tiếng Việt	đô-pinh	hâu-kinh	kít-xin-giɔ

4.5. Âm tắc xát

Khảo sát cho thấy ở vị trí âm cuối chỉ duy nhất âm tắc xát hữu thanh [dʒ] xuất hiện. Ở đây âm này được xử lý như là một tổ hợp phụ âm cuối bình thường: cụ thể là phụ âm thứ hai bị lược bỏ và phụ âm thứ nhất bị tắc hóa thành [t]. Quá trình lược giản tổ hợp phụ âm sẽ xảy ra trước và tắc hóa thành [t] sẽ diễn ra sau như Silverman giả định [9], ví dụ:

Đơn vị nguồn	lodge
Cấp độ Nhận thức	[lod z]
Cấp độ Hiện thực	
a. Lược giản tổ hợp phụ âm	[lod]
b. Tắc hóa thành [t]	[lot]
Đơn vị hiện thực	[lot]
Cách đọc tiếng Việt	lốt

4.6. Bán nguyên âm cuối

Đối với bán nguyên âm, khi [w] và [j] tồn tại trong nguyên âm đôi [ow] (là hình thức Nhận thức của [ou]/[əu]) và [ej] ([eɪ]) tức là xuất hiện ở vị trí kết thúc âm tiết thì sẽ bị lược bỏ. Nguyên nhân cho sự lược bỏ chính là do ngữ âm tiếng Việt không chấp nhận kết hợp giữa [o] và [e] với [w]. Còn khi [w] và [j] nằm trong tổ hợp phụ âm cuối w-C hoặc j-C thì sẽ bị lược bỏ khi so với phụ âm còn lại [w] và [j] không nổi trội với thính giác của người bản xứ. Một số ví dụ như sau:

Đơn vị nguồn	watergate	game	volmer	logo
Cấp độ Nhận thức	[wa tɾ ʝejt]	[ʝejm]	[vowl mɾɜz]	[low goʝ]
Cấp độ Hiện thực				
Lược bỏ [w]/[j]	[wa tɾ ʝet]	[ʝem]	[vol mɾɜz]	[lo go]
Đơn vị hiện thực	[wa tɾ ʝet]	[ʝem]	[von mɾ]	[lo go]
Cách đọc tiếng Việt	oa-tơ-ghét	ghêm	vôn-mơ	lô-gô

5. Kết luận

Như vậy, quá trình Việt hóa âm cuối của từ tiếng Anh trên báo điện tử *Nhân dân* bao gồm các phương thức sau: chèn nguyên âm, lược bỏ hay giản lược phụ âm cuối ngoại lai và tổ hợp phụ âm cuối, tắc hóa, thêm thanh sắc, mũi hóa, lược bỏ [z] và lược bỏ bán nguyên âm cuối. Có thể kết luận rằng các quá trình lược bỏ như lược bỏ phụ âm cuối ngoại lai, tổ hợp phụ âm cuối và bán nguyên

âm cuối là nhằm đảm bảo các quy tắc cấu tạo âm tiết chuẩn của tiếng Việt không bị vi phạm. Trong khi đó, các phương thức chèn nguyên âm và lược giản tổ hợp phụ âm lại nhằm đảm bảo tính trung thành tối ưu đối với đơn vị nguồn bằng cách vừa tuân thủ ngữ âm bản xứ vừa cố gắng bảo tồn các tín hiệu ngữ âm nổi trội. Tuy nhiên hệ thống ngữ âm tiếng Việt rất khắt khe đối với cấu tạo phụ âm cuối và kết hợp vẫn, cho nên phương thức tắc hóa và

mũi hóa được sử dụng để thỏa mãn các quy tắc cấu tạo âm tiết của ngữ âm tiếng Việt.

Tóm lại, sự phong phú của quá trình Việt hóa ở vị trí kết thúc âm tiết đã minh chứng một điều rằng đối với ngôn ngữ từ vay mượn hay sự bản địa hóa các đơn vị ngoại lai thì âm cuối luôn ẩn chứa nhiều vấn đề ngữ âm. Các đơn vị từ ngoại lai dường như có khuynh hướng vi phạm các quy tắc cấu tạo âm tiết của tiếng Việt

nặng nề nhất khi xét về thành phần âm cuối, cho nên tiếng Việt sẽ áp dụng tất cả những phương thức cần thiết để bảo toàn tính chuẩn của hệ thống ngữ âm của mình trong khi vẫn bảo tồn đến mức tối đa các thành phần ngữ âm nguồn. Đáng lưu ý là tiếng Việt ưa thích các phương thức cải biến âm cuối ngoại lai để đảm bảo tính cân đối của âm tiết chuẩn (CVC) ví dụ như là tắc hóa và mũi hóa, hơn là lược bỏ đi các âm cuối bất hợp pháp đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (2003), *Tiếng Việt - mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Khang (2007), *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Đoàn Thiện Thuật (1999), *Ngữ Âm tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Hoang T.H.G (2013), *The nativisation of English words in a Vietnamese electronic newspaper*, MA thesis, The University of Queensland, Brisbane.
5. Hall N. (2006), “Cross-linguistic patterns of vowel intrusion”, *Phonology*, vol. 23, no. 3, pp.387-429.
6. Kang Y. (2003), “Perceptual similarity in loanword adaptation: English postvocalic word-final stops in Korean”, *Phonology*, vol. 20, pp.219-273.
7. Kwon H.B (2006), *Korean speakers' production of English consonant clusters: Articulatory and perceptual accounts*, PhD thesis, Michigan State University, Michigan.
8. Miao R. (2005), *Loanword adaptation in Mandarin Chinese: Perceptual, phonological and sociolinguistic factors*, PhD thesis, Stony Brook University, Stony Brook.
9. Silverman D. (1992), “Multiple scansion in loanword phonology: Evidence from Cantonese”, *Phonology*, vol. 9, no. 2, pp.289-328.
10. Yip M. (1993), “Cantonese loanword phonology and Optimality Theory”, *Journal of East Asian Linguistics*, vol. 2, no. 3, pp.261-291.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-3-2014; ngày phản biện đánh giá: 06-4-2014;
ngày chấp nhận đăng: 17-7-2014)